

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Hữu Cải;

Bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp T, xã T, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp T, xã T, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cách đây khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu về nhà gây gổ, đánh đập chị. Sau đó, anh T bị tai nạn giao thông và vợ chồng thường xuyên cãi vã nhiều hơn. Chị và anh T cũng đã ly thân đến nay

đã được khoảng 03 năm mà không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 15/7/2011, đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Nhật T trình bày:

Anh thống nhất với lời khai của chị N về các vấn đề hôn nhân và con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng thì anh không đánh đập chị N như chị N trình bày. Cách đây khoảng 03 năm do anh bị tai nạn giao thông nên chị N đã bỏ đi, vợ chồng không còn chung sống từ đó đến nay. Nay anh vẫn còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa án giải quyết chi anh chị ly hôn thì:

Về con chung: Do hai con đều đã trên 07 tuổi nên nếu các con có nguyện vọng được sống với chị N thì anh cũng đồng ý giao cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T. Giao hai con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T đều thừa nhận chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T C, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Chị N cho rằng anh T thường xuyên uống rượu về nhà gây gỗ với chị, chị đã cố gắng nhẫn nhịn để gia đình được hạnh phúc nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã không còn chung sống với nhau đến nay đã được khoảng 03 năm. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T chỉ thừa nhận có uống rượu nhưng không thừa nhận có đánh chị N. Do anh vẫn còn tình cảm với chị N và thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu và lời trình bày của anh chị thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của anh chị và kết quả xác minh tại địa phương thì có đủ cơ sở xác định anh T có uống rượu về đánh chị N. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã ly thân với nhau đã được khoảng 03 năm nay mà không hàn gắn được. Từ đó cho thấy anh chị thực tế có mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Chị N không còn tình cảm với anh T và cương quyết ly hôn dù đã được động viên, hòa giải để đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao hai con cho chị N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ý kiến này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu M nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao hai con chung cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục; ghi nhận chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N đối với anh Nguyễn Nhật T. Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Nhật T.

2- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 15/7/2011. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu anh Nguyễn Nhật T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Nhật T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Nhật T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025217 ngày 26 tháng 02 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị N và anh T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung